TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỘC CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2022/HS-ST
Ngày 26 – 7 - 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Hải Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Việt Huấn và bà Hoàng Thị Hội.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Trang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thuỷ, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 131/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 127/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Sồng A T, sinh ngày: 25/8/2000 tại huyện P, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản T, xã K, huyện P, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 1/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sồng A V (đã chết) và bà Giàng Thị C, sinh năm: 1970; bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Tại Bản án số 02/2020/HSST ngày 02/01/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/11/2020); Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại Bản án số 85/2018/HSST ngày 23/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Sơn La xử phạt bị cáo 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (chấp hành xong án phạt tù ngày 20/3/2019), khi bị kết án bị cáo dưới 18 tuổi nên được coi là không có án tích; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2022 đến nay; có mặt.

2. Sồng A D, sinh ngày: 01/01/1993 tại huyện B, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Sồng A N, sinh năm: 1966 và bà Lầu Thị L (đã chết); bị cáo

có vợ là Giàng Thị C, sinh năm: 1993 và có 02 con; Tiền án: Tại Bản án số 48/2019/HSST ngày 28/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện M xử phạt bị cáo 21 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 6/9/2020); tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/5/2022 đến nay; có mặt.

3. Đoàn Thị N, sinh ngày: 05/8/1957 tại huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Q và bà Nguyễn Thị S (Đều đã chết); bị cáo có chồng là Nguyễn Tiến P (Đã chết) và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/6/2022 cho đến nay; có mặt.

- Bị hại: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1970. Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Ông Lầu A DD, sinh năm: 1993. Nơi cư trú: Tiểu khu P, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn M, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sồng A T, Sồng A D cùng đi làm thuê tại tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M biết gia đình ông Nguyễn Văn L có sơ hở trong việc quản lý tài sản nên đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp 03 chiếc máy cầu nhãn hiệu IVECO Fiat S.P.A, 02 động cơ không đồng bộ 3 pha mang cất giấu và bán cho Đoàn Thị N, cụ thể như sau.

- Lần thứ nhất: Khoảng đầu tháng 4 năm 2022, Sồng A T đi vào xưởng chế biến dong của gia đình ông Nguyễn Văn L tại tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M trộm cắp 02 động cơ không đồng bộ 3 pha mang đến nhà Đoàn Thị N thoả thuận bán cho N, T và N cân 2 chiếc máy được 72kg, do máy có nhiều bùn đất nên N trừ đi 2kg còn 70kg x 8.000 đồng/kg, thành tiền 560.000 đồng, N lấy tiền trả cho T và hỏi về nguồn gốc máy, T nói dối là động cơ của T bị hỏng nên mang bán, T xin số điện thoại của N và đi về. Sau đó, Đoàn Thị N bán lại 02 động cơ không đồng bộ 3 pha cho ông Phạm Văn M với giá 1.400.000 đồng, ông M không biết là tài sản do trộm cắp mà có.

Ngày 10/5/2022, Phạm Văn M đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu 02 động cơ không đồng bộ 3 pha do công ty chế tạo điện cơ Hà Nội sản xuất.

Ngày 10/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Mộc Châu định giá đối với 02 động cơ không đồng bộ 3 pha. Tại kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mộc Châu kết luận: 02 động cơ không đồng bộ 3 pha do công ty chế tạo điện cơ Hà Nội sản xuất đã qua sử dụng có tổng giá trị tài sản 3.400.000 đồng.

Ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả 02 động cơ không đồng bộ 3 pha cho ông Nguyễn Văn L. Ông Nguyễn Văn L, Đoàn Thị N không yêu cầu Sồng A T phải bồi thường. Đoàn Thị N đã bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 1.400.000 đồng. Đối với số tiền sau khi bán máy Sồng A T đã chi tiêu cá nhân hết.

- Lần thứ hai: Đêm ngày 29/4/2022, T mượn xe máy nhãn hiệu YAMAHA, BKS: 26B1 – 147.78 của DD đi đến nhà Sồng A D rủ D đi trộm cắp tài sản, D đồng ý. T chở D đi đến xưởng chế biến dong của gia đình ông Nguyễn Văn L ở tiểu khu XX, thị trấn N. Khi đi đến nơi, thấy nhà kho không có ai trông coi, cửa nhà kho có cài chốt không mở được nên chiều ngày 30/4/2022 T và D đi đến cửa hàng tạp hóa ở tiểu khu P, thị trấn N mua một chiếc cưa sắt với giá 70.000 đồng sử dụng để cưa chốt cửa nhà kho. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T điều khiển xe máy chở D đến xưởng chế biến dong. T và D dùng chiếc cưa sắt cưa đứt 02 thanh kim loại hàn trên chiếc cửa sắt của nhà kho, rồi dùng tay bẻ cong 02 thanh sắt và miếng tôn kim loại tạo ra lỗ hổng để chui vào bên trong, T và D lần lượt đẩy 03 chiếc máy bằng kim loại mang ra giấu ở đống phân gần đường bê tông. Sau đó, T và D lấy 01 chiếc máy cầu mang đến nhà Đoàn Thị N, thấy cổng gia đình N khoá nên T trèo qua cổng để vào bên sân gọi N dậy thoả thuận việc mua bán máy, do trước đó N đã mua máy với T và T mang tài sản đến bán đều vào đêm khuya nên N biết đây là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý mua tài sản. N và T cân chiếc máy được 83kg với giá 8.000đồng/kg nhưng do máy dính bùn đất nên trừ đi 3kg, N trả cho T số tiền 640.000 đồng, T bảo N còn 2 chuyến nữa mua nốt cho T nhưng N không đồng ý mua. Sau khi nhận được tiền T chia cho D 200.000 đồng, còn lại 440.000 đồng T chi tiêu cá nhân hết. Sau đó T điều khiển xe máy chở D đi về nhà tại bản N, xã C, huyện B.

Ngày 06/5/2022, T điều khiển xe máy BKS: 26B1 – 14778 chở D đi đến phòng trọ của D tại tiểu khu XX, thị trấn N. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 07/5/2022, T điều khiển xe máy một mình đi đến chỗ cất giấu tài sản trộm cắp mang 01 chiếc máy đi bán, khi T đang buộc chiếc máy lên xe thì bị tổ công tác Công an huyện Mộc Châu bắt giữ.

Ngày 07/5/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành khám nghiệm hiện trường. Xác định nơi xảy ra vụ án tại cơ sở chế biến dong của gia đình ông Nguyễn Văn L tại tiểu khu XX, thị trấn N, huyện M. Tường kho máy được xây, mái lợp tôn màu đỏ, kích thước 7,2m x 4,5m. Phía Nam có 01 cửa đẩy ra vào bằng sắt, cửa được hàn chặt vào tường. Phía Bắc giáp đất nương mận gia đình HM, phía Nam giáp đất nương gia đình nhà MK, phía Đông giáp đất nương nhà bà L, phía Tây giáp đường bê tông liên tiểu khu XX.

- Hiện trường cụ thể:

+ Vị trí số 01 là vị trí cửa sắt có kích thước 1,8m x 2,3m, cửa chia thành 5 khoang nhỏ, 02 thanh sắt bị cắt, bẻ cong, loại sắt fi 16, tấm kim loại cửa bị bẻ cong.

+ Vị trí số 02: Vị trí 03 máy bị mất trộm, trên nền đất có nhiều vết dầu nhớt, cách mép cửa 1,9m, cách tường hướng Đông 02m.

+ Vị trí số 03 vị trí chiếc máy cầu thứ nhất bị mất trộm, máy cầu nhãn hiệu IVECO FIAT S.P.A. TYPE 99954422 đã được hàn với các thanh kim loại, nằm trên mép đường bê tông bên phải hướng đi tỉnh lộ 104, đường bê tông rộng 3,6m, đoạn đường lê dốc 3%. Từ vị trí số 1 cách vị trí số 3 là 55m.

+ Vị trí số 04 vị trí phát hiện 01 chiếc cưa, cạnh cưa phát hiện một đám hỗn hợp màu đen nghi là dầu nhớt trên diện 40 x13cm. Cưa có tay cầm màu đỏ, tổng chiều dài 45cm, lưỡi cưa bằng kim loại 02 mặt, được bắt vít 02 đầu. Từ vị trí số 4 cách mép đường 2,1m, từ 4 đến 3 là 04m.

+ Vị trí số 05 vị trí chiếc máy cầu thứ hai bị trộm cắp, máy cầu nhãn hiệu IVECO FIAT S.P.A. TYPE 99954422 đã được hàn với các thanh kim loại, phát hiện đám hỗn hợp chất màu đen nghi là dầu nhớt trên diện 5 x 3cm. Từ vị trí số 5 cách mép đường 3,1m.

+ Vị trí số 06 vị trí chiếc máy cầu thứ ba bị trộm cắp, máy cầu nhãn hiệu IVECO FIAT S.P.A. TYPE 99954422 đã được hàn với các thanh kim loại. Từ vị trí số 6 cách mép đường 2,5m.

Các vị trí số 4,5,6 để máy cầu được đặt xung quanh các bao phân được bao phủ bởi lớp nilon màu đen.

+ Vị trí số 07 vị tri chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn đen, đỏ, trắng, BKS: 26B1 – 147.78, đầu xe hướng đi tỉnh lộ 104. Trên yên xe phát hiện vết bám dính màu đen trên diện 60cm x 30cm nghi là dầu nhớt. Từ vị trí số 7 đến 3 là 14,6m.

Quá trình khám nghiệm thu giữ 02 chiếc máy cầu nhãn hiệu IVECO FIAT S.P.A. TYPE 99954422 đã được hàn với các thanh kim loại; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA JUPITER, màu sơn đen, đỏ, trắng, BKS: 26B1 – 147.78; 01 chiếc cưa tay màu đỏ.

Ngày 07/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã thu giữ của Đoàn Thị N 01 chiếc máy cầu nhãn hiệu IVECO FIAT S.P.A. TYPE 99954422 đã được hàn với các thanh kim loại.

Ngày 07/5/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trưng cầu Hội đồng định giá tài sản huyện Mộc Châu định giá đối với 03 chiếc máy cầu. Tại kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mộc Châu kết luận: 03 chiếc máy cầu nhãn hiệu IVECO – Fiat S.P.A; Type: 99954422 do Italya sản xuất qua sử dụng có giá 4.000.000 đồng/chiếc, tổng giá trị định giá 12.000.000 đồng.

Ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả 03 chiếc máy cầu cho ông Nguyễn Văn L, ông L không yêu cầu Sồng A T, Sồng A D phải bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, ông Lầu A DD khai nhận có quen biết với Sồng A T, chiếc xe máy BKS: 26B1 – 147.78 là của gia đình DD. Khoảng tháng 4/2022, Sồng A T mượn xe máy của gia đình DD làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe máy đi trộm cắp tài sản DD không biết và không liên quan. Ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả xe cho Lầu A DD.

Quá trình điều tra, ông Phạm Văn M khai nhận khoảng đầu tháng 4/2022 ông có mua của Đoàn Thị N 02 động cơ không đồng bộ 3 pha với giá 1.400.000 đồng, ông M không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Ngày 10/5/2022, ông Phạm Văn M đã giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu 02 động cơ không đồng bộ 3 pha do công ty chế tạo điện cơ Hà Nội sản xuất. Đoàn Thị N đã bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 1.400.000 đồng, ông M không có yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại Cáo trạng số 131/CT-VKS ngày 15/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố các bị cáo Sồng A T, Sồng A D về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đoàn Thị N về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Sồng A T, Sồng A D, Đoàn Thị N trình bày ý kiến, giữ nguyên lời khai của mình, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung nào làm thay đổi nội dung vụ án. Các bị cáo nhận tội như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên cáo trạng truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sồng A T từ 24 tháng đến 30

tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Sồng A D từ 21 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Thị N từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc bị hại ông Nguyễn Văn L không yêu cầu các bị cáo Sồng A T, Sồng A D phải bồi thường thiệt hại.

Chấp nhận việc bị cáo Đoàn Thị N đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 02 động cơ không đồng bộ 3 pha, 03 chiếc máy cầu cho ông Nguyễn Văn L quản lý sử dụng; giao trả 01 chiếc xe máy BKS: 26B1 – 147.78 cho ông Lầu A DD quản lý sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cưa cầm tay màu đỏ bằng kim loại dài 45cm.

- Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo Sồng A T, Sồng A D, Đoàn Thị N.

Sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, các bị cáo nhất trí với cáo trạng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo Sồng A T, Sồng A D không có ý kiến gì; Bị cáo Đoàn Thị N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an

huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Tại phiên toà, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi hay bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu và khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc các bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn trình báo của bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường; sơ đồ, bản ảnh hiện trường; kết luận định giá tài sản số: 15/KL-HĐĐGTS ngày 09/5/2022, kết luận định giá tài sản số: 19/KL-HĐĐGTS ngày 16/5/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến sự việc và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Đầu tháng 4/2022 (Không nhớ rõ ngày) Sồng A T đã có hành vi lén lút bí mật trộm cắp 02 động cơ không đồng bộ 3 pha trị giá 3.400.000 đồng của ông Nguyễn Văn L mang bán cho Đoàn Thị N được số tiền 560.000 đồng;

Ngày 30/4/2022, Sồng A T cùng Sồng A D lén lút bí mật trộm cắp 03 chiếc máy cầu nhãn hiệu IVECO – Fiat S.P.A do Italya sản xuất của ông Nguyễn Văn L có tổng giá trị 12.000.000 đồng, sau đó mang 01 chiếc máy cầu bán cho Đoàn Thị N với giá 640.000 đồng, còn 02 chiếc máy cầu cất giấu để tìm cơ hội tiêu thụ. Đoàn Thị N khi mua 01 chiếc máy cầu vào ngày 30/4/2022, biết rõ đó là tài sản do trộm cắp mà có nhưng vẫn mua để bán kiếm lời. Đến ngày 07/5/2022 Sồng A T đến nơi cất giấu 2 chiếc máy cầu mục đích mang đi để tiêu thụ thì bị phát hiện bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo Sồng A T, Sồng A D đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Phân hoá vai trò phạm tội: Bị cáo Sồng A T là người khởi xướng thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản và mang tài sản đi tiêu thụ. Bị cáo Sồng A D là người trực tiếp tham gia thực hiện 1 lần trộm cắp tài sản và mang tài sản đi tiêu thụ. Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật hình sự, do đó khi quyết định

hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

Hành vi của bị cáo Đoàn Thị N đã đủ yếu tố cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

***Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm*:** Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự công cộng được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn thực hiện. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm khắc để răn đe, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Sồng A T phải chịu 02 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* và *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Sồng A D phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đoàn Thị N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Sồng A T, Sồng A D, Đoàn Thị N đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Sồng A T sau khi bị bắt đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra để phát hiện thêm đồng phạm mới là Sồng A D và phát hiện thêm tội phạm mới của bị cáo Đoàn Thị N, nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án. Do đó, bị cáo Sồng A T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Đoàn Thị N đã tích cực tự nguyện sửa chữa, bồi thường số tiền 1.400.000 đồng cho anh Phạm Văn M; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét về nhân thân: Các bị cáo Sồng A T và Sồng A D có nhân thân xấu, đều có tiền án chưa được xoá án tích, sau khi chấp hành xong hình phạt trở về địa phương các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Do đó, cần phải cách ly các bị cáo Sồng A T và Sồng A D ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Đối với bị cáo Đoàn Thị N là người cao tuổi, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú. Bị cáo Đoàn Thị N có nơi cư trú rõ ràng, gia đình có đơn xin bảo lãnh cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương, được chính quyền xác nhận. Vì vậy, xét thấy không cần phải bắt bị cáo Đoàn Thị N chấp hành hình phạt tù mà áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo, giao bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền):

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173, khoản 5 Điều 323 của Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Xét thấy các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có tài sản gì có giá trị, không có điều kiện thi hành hình phạt bổ sung, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng của vụ án:

Ngày 16/6/2022, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả 02 chiếc mô tơ, 03 chiếc máy cầu cho ông Nguyễn Văn L quản lý sử dụng là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với chiếc xe máy BKS: 26B1 – 147.78 bị cáo Sồng A T đã sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định chiếc xe máy BKS: 26B1 – 147.78 là tài sản của ông Lầu A DD, khoảng tháng 4/2022 Sồng A T mượn xe máy của ông Lầu A DD làm phương tiện đi lại, việc T sử dụng xe máy đi trộm cắp tài sản DD không biết và không liên quan. Ngày 16/6/2022 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã trao trả chiếc xe máy trên cho ông Lầu A DD quản lý sử dụng là đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc cưa cầm tay màu đỏ bằng kim loại dài 45cm thu giữ của Sồng A T là công cụ phạm tội nên cần tịch thu tiêu huỷ.

[5] Về bồi thường dân sự:

Bị hại ông Nguyễn Văn L đã được nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo Sồng A T, Sồng A D phải bồi thường thiệt hại. Xét việc ông Nguyễn Văn L không yêu cầu các bị cáo bồi thường dân sự là hoàn toàn tự nguyện, cần chấp nhận.

Bị cáo Đoàn Thị N đã bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 1.400.000 đồng, ông M không có yêu cầu bồi thường gì thêm. Xét việc bồi thường dân sự giữa bị cáo Đoàn Thị N và ông Phạm Văn M là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[6] Về án phí:

Các bị cáo Sồng A T, Sồng A D là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo Sồng A T thuộc hộ nghèo. Tại phiên tòa, các bị cáo Sồng A T, Sồng A D đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn án phí hình sự đối với các bị cáo Sồng A T, Sồng A D.

Bị cáo Đoàn Thị N là người cao tuổi, tại phiên tòa đề nghị được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần miễn án phí hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị N.

[7] Thời hạn tạm giam còn lại của các bị cáo Sồng A T, Sồng A D còn dưới 45 ngày. Do đó Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tạm giam các bị cáo Sồng A T, Sồng A D để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sồng A T phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Sồng A T 28 (Hai mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 07/5/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Sồng A D phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Sồng A D 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 07/5/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Thị N phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án (26/7/2022). Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Giao bị cáo Đoàn Thị N về cho Uỷ ban nhân dân thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 13, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự. Về bồi thường dân sự:

Chấp nhận việc bị hại ông Nguyễn Văn L không yêu cầu các bị cáo Sồng A T, Sồng A D phải bồi thường thiệt hại.

Chấp nhận việc bị cáo Đoàn Thị N đã tự nguyện thỏa thuận và đã bồi thường cho ông Phạm Văn M số tiền 1.400.000 đồng (Một triệu bốn trăm nghìn đồng).

5. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã giao trả 02 động cơ không đồng bộ 3 pha, 03 chiếc máy cầu cho ông Nguyễn Văn L quản lý sử dụng; giao trả 01 chiếc xe máy BKS: 26B1 – 147.78 cho ông Lầu A DD quản lý sử dụng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc cưa cầm tay màu đỏ bằng kim loại dài 45cm.

6. Về án phí:

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự đối với các bị cáo Sồng A T, Sồng A D.

- Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn án phí hình sự đối với bị cáo Đoàn Thị N.

7. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- Trại giam;
- UBND thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- THA HS;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tăng Thị Hải Oanh